

THE RELATIONSHIP BETWEEN PERCEIVED ACADEMIC STRESS AND DEPRESSION, ANXIETY, AND STRESS AMONG FOURTH-YEAR MEDICAL STUDENTS AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY IN THE 2024-2025 ACADEMIC YEAR

Nguyen Thi Thu Ha, Nguyen Tien Dung*, Thai Van Huy

Hanoi Medical University - 1 Ton That Tung, Kim Lien Ward, Hanoi City, Vietnam

Received: 29/08/2025

Revised: 19/09/2025; Accepted: 27/11/2025

ABSTRACT

Objectives: To assess the current state of depression, anxiety, stress, as well as academic stress levels, and to identify the relationship between perceived academic stress and the risk of these mental health disorders among fourth-year medical students.

Subjects and methods: A cross-sectional study was conducted on 412 fourth-year medical students at Hanoi Medical University using a convenient sampling method. The questionnaire included the DASS 21 scale and the Vietnamese version of the Perception of Academic Stress scale (PAS-V).

Results: The proportion of students at risk of depression, anxiety, and stress was above 40%, respectively. The average PAS-V score was 38.49 ± 6.785 . Logistic regression showed that lower PAS-V scores (indicating higher academic stress) in the domains of exam-related stress, self-concept, and learning process were associated with increased risks of depression (OR = 0.892; 0.758; 0.846), anxiety (OR = 0.905; 0.864; 0.863), and stress (OR = 0.858; 0.825; not significant for the learning process), with $p < 0.05$.

Conclusion: The prevalence of depression, anxiety, and stress was relatively high compared to previous studies. High levels of academic stress predicted an increased risk of these issues. Both the university and students should implement appropriate strategies tailored to specific academic stressors to improve overall mental health.

Keywords: Academic stress, depression, anxiety, stress, PAS-V.

*Corresponding author

Email: tiendung2003.bio@gmail.com Phone: (+84) 789331755 Doi: 10.52163/yhc.v66iCD23.3939

MỐI LIÊN QUAN GIỮA NHẬN THỨC VỀ CĂNG THẲNG HỌC TẬP VÀ TRẦM CẢM, LO ÂU, STRESS CỦA SINH VIÊN HỆ BÁC SĨ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM THỨ TƯ NĂM HỌC 2024-2025

Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Tiến Dũng*, Thái Văn Huy

Trường Đại học Y Hà Nội - 1 Tôn Thất Tùng, P. Kim Liên, TP. Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 29/08/2025

Ngày sửa: 19/09/2025; Ngày đăng: 27/11/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả nguy cơ rối loạn trầm cảm, lo âu, stress và phân tích mối liên quan giữa nhận thức về căng thẳng học tập và mức độ rối loạn này ở sinh viên năm thứ tư hệ bác sĩ Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2024-2025.

Đối tượng và phương pháp: Mô tả cắt ngang trên 412 sinh viên năm thứ tư Trường Đại học Y Hà Nội, sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Bộ câu hỏi bao gồm thang đo DASS 21, phiên bản tiếng Việt của thang đo nhận thức về căng thẳng học tập (PAS-V).

Kết quả: Tỷ lệ sinh viên có nguy cơ trầm cảm, lo âu, stress trên 40%. Điểm trung bình PAS-V là $38,49 \pm 6,785$. Hồi quy logistic cho thấy điểm PAS-V thấp (căng thẳng học tập cao) ở các nhóm yếu tố liên quan thi cử, nhận thức năng lực bản thân và quá trình học tập làm tăng nguy cơ mắc trầm cảm (OR = 0,892; 0,758; 0,846), lo âu (OR = 0,905; 0,864; 0,863) và stress (OR = 0,858; 0,825; không ý nghĩa với căng thẳng liên quan đến quá trình học tập), với $p < 0,05$.

Kết luận: Tỷ lệ nguy cơ về các rối loạn trầm cảm, lo âu, stress của sinh viên ở mức khá cao. Mức độ căng thẳng học tập cao có khả năng dự báo sự gia tăng nguy cơ mắc phải các rối loạn trên. Nhà trường và bản thân sinh viên cần có các chiến lược can thiệp phù hợp để cải thiện tình trạng sức khỏe tâm thần.

Từ khóa: Căng thẳng học tập, trầm cảm, lo âu, stress, PAS-V.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sinh viên đại học, đặc biệt sinh viên y khoa, là nhóm đối tượng thường xuyên phải đối mặt với các vấn đề sức khỏe tâm thần ở mức độ cao so với cộng đồng nói chung. Cụ thể, kết quả nghiên cứu của Phan Nguyệt Hà và Trần Thơ Nhị (2022) cho thấy nguy cơ trầm cảm chiếm đến 57,1%, bao gồm các mức độ từ nhẹ đến rất nặng [1]. Ngoài ra, tỷ lệ sinh viên y có các biểu hiện rối loạn lo âu ở mức cao hơn so với tỷ lệ chung ở Việt Nam, khoảng 2,6% [2]. Bên cạnh đó, stress cũng là một vấn đề đáng quan ngại, tỷ lệ sinh viên y có stress chiếm 42,6% với biểu hiện mức độ nặng và rất nặng chiếm khoảng 12% theo nghiên cứu của Lê Thị Vũ Huyền và Nguyễn Thị Thu Thủy (2021) [3].

Một số yếu tố căn nguyên và nguy cơ dẫn đến tình trạng trên đã được xác định, trong đó căng thẳng học tập được xem là yếu tố nổi bật góp phần làm gia tăng các rối loạn tâm thần ở sinh viên y khoa [1], [4].

Nhiều nghiên cứu quốc tế cũng đã chỉ ra rằng phần lớn sinh viên đều trải qua căng thẳng học tập từ mức trung bình đến nặng, và nhóm có mức độ căng thẳng cao có nguy cơ trầm cảm, lo âu tăng gấp nhiều lần [5-6]. Tại Việt Nam, nghiên cứu ở một số trường đại học y dược cũng cho thấy các yếu tố như lo lắng thi trượt, thi lại, nợ môn; không có mục tiêu học tập rõ ràng; kết quả học tập không như mong đợi; quá tải việc học trên trường... đều có liên quan với nguy cơ gặp phải các vấn đề tâm lý của sinh viên [3], [7].

Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu hiện nay mới chỉ dừng lại ở việc xem xét căng thẳng học tập như một trong nhiều yếu tố liên quan, mà chưa đánh giá cụ thể, chi tiết tác động của chính nhận thức căng thẳng học tập đối với các rối loạn trầm cảm, lo âu và stress. Trong khi đó, sinh viên bác sĩ năm thứ tư Trường Đại học Y Hà Nội khi bắt đầu giai đoạn học lâm sàng tại bệnh viện thường phải đối mặt với áp

*Tác giả liên hệ

Email: tiendung2003.bio@gmail.com Điện thoại: (+84) 789331755 Doi: 10.52163/yhc.v66iCD23.3939

lực lớn từ khối lượng kiến thức, thực hành, cũng như sự thay đổi môi trường học tập, làm gia tăng đáng kể mức độ căng thẳng học tập.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mô tả mức độ trầm cảm, lo âu, stress, và phân tích mối liên quan giữa nhận thức căng thẳng học tập với các rối loạn trên ở sinh viên bác sĩ năm thứ tư Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2024-2025, từ đó cung cấp cơ sở cho các chiến lược hỗ trợ tâm lý phù hợp ở nhóm đối tượng này.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm: Trường Đại học Y Hà Nội.

Thời gian: từ tháng 10/2024 đến tháng 6/2025 (thời gian thu thập số liệu từ tháng 12/2024 đến tháng 1/2025).

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên năm thứ 4 hệ bác sĩ (y khoa, răng hàm mặt, y học cổ truyền, y học dự phòng) thuộc Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2024-2025. Lựa chọn sinh viên đang tham gia học, đồng ý tham gia nghiên cứu và hoàn thành phiếu khảo sát.

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

Cỡ mẫu được tính theo công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỷ lệ trong quần thể:

$$n = Z^2 \frac{p(1 - p)}{\Delta^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu tối thiểu cần chọn; $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ (mức ý nghĩa thống kê với $\alpha = 0,05$, khoảng tin cậy 95%); $p = 0,571$ là tỉ lệ trầm cảm trong sinh viên y theo nghiên cứu của Trần Thơ Nhị (2022); $\Delta = 0,05$; $\alpha = 0,05$ [1].

Thay các giá trị vào công thức, tính được cỡ mẫu $n = 377$. Tăng cỡ mẫu lên 10% để dự phòng đối tượng từ chối tham gia nghiên cứu, như vậy cỡ mẫu của nghiên cứu là 415. Thực tế trong nghiên cứu này, cỡ mẫu thu thập được là 412.

Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu thuận tiện.

2.5. Biến số, chỉ số nghiên cứu

- Các biến số về thông tin nhân khẩu, xã hội của đối tượng nghiên cứu: giới tính, ngành học, nơi sinh sống hiện tại, chi phí sinh hoạt hàng tháng, xếp loại học tập.

- Điểm trung bình nhận thức căng thẳng học tập gồm 3 khía cạnh: căng thẳng liên quan đến thi cử, nhận thức về năng lực bản thân, và quá trình học tập.

- Mức độ trầm cảm, lo âu, stress (bình thường, có nguy cơ).

2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn qua bộ câu hỏi khảo sát tự điền trên nền tảng REDCap. Bộ công cụ khảo sát bao gồm 2 thang đo chính:

- Thang đo DASS 21 (Depression Anxiety Stress Scale 21) bản chuẩn hóa tại Việt Nam chia làm 3 tiểu thang (mỗi tiểu thang gồm 7 câu hỏi) tương ứng với trầm cảm, lo âu, stress. Các mệnh đề được tính điểm trên thang Likert từ 0 điểm (không đúng) đến 3 điểm (hoàn toàn đúng). Tổng điểm của mỗi tiểu thang được nhân 2 và xếp theo mức độ từ bình thường (không có) và có nguy cơ (từ nhẹ đến rất nặng).

Bảng 1. Phân loại mức độ trầm cảm, lo âu, stress qua thang đo DASS 21

Mức độ	Bình thường	Nhẹ	Vừa	Nặng	Rất nặng
Trầm cảm (điểm)	0-9	10-13	14-20	21-27	≥ 28
Lo âu (điểm)	0-7	8-9	10-14	15-19	≥ 20
Stress (điểm)	0-14	15-18	19-25	26-33	≥ 34

- Thang đo PAS (Perception of Academic Stress) của Bedewy và Gabriel (2015) được kiểm định tính giá trị và độ tin cậy trước khi sử dụng [8]. Kết quả phân tích Cronbach's Alpha, EFA, CFA hợp lệ và đáng tin cậy để đưa vào sử dụng. Thang đo sau khi được kiểm định (viết tắt là PAS-V) bao gồm 13 mục, chia thành 3 tiểu thang về căng thẳng: liên quan đến thi cử (6 mục); nhận thức về năng lực bản thân (4 mục); liên quan đến quá trình học tập (3 mục). Mỗi mục dùng thang Likert 5 mức, 1 điểm tương ứng với hoàn toàn không đồng ý đến 5 điểm tương ứng với hoàn toàn đồng ý, 4 mục đặt đảo chiều. Tổng điểm của thang đo và các tiểu thang càng cao thì mức căng thẳng càng thấp.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được chuyển vào phần mềm Excel, làm sạch, sau đó được phân tích bằng phần mềm SPSS 26. Sử dụng thống kê mô tả để xác định thực trạng trầm cảm, lo âu, stress; kiểm định mối tương quan

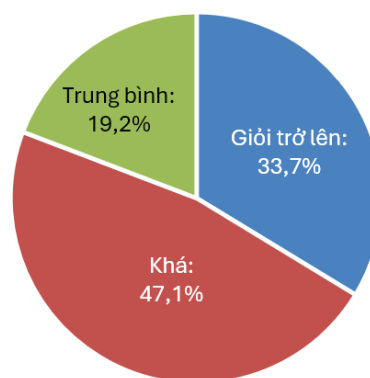
và mô hình hồi quy logistic nhị phân đa biến phân tích mối liên quan giữa nhận thức về căng thẳng học tập và nguy cơ mắc phải các rối loạn trên.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được sự chấp thuận của Hội đồng Đạo đức Trường Đại học Y Hà Nội theo quyết định số 1572/QĐ-ĐHYHN ký ngày 07/5/2025. Đối tượng nghiên cứu được cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, nội dung của nghiên cứu, tự nguyện tham gia nghiên cứu, và được bảo mật thông tin trong quá trình nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nhóm nghiên cứu đã gửi 420 phiếu khảo sát, trong đó có 412 phiếu được xác nhận và đưa vào nghiên cứu, với tỷ lệ về giới tính tương đối đồng đều.



Biểu đồ 1. Xếp loại học tập của đối tượng tham gia nghiên cứu (n = 412)

Kết quả cho thấy tỷ lệ sinh viên đạt học lực khá là chủ yếu, chiếm 47,1%; học lực giỏi trở lên chiếm 33,7%; thấp nhất là học lực yếu chiếm tỷ lệ 19,2%.

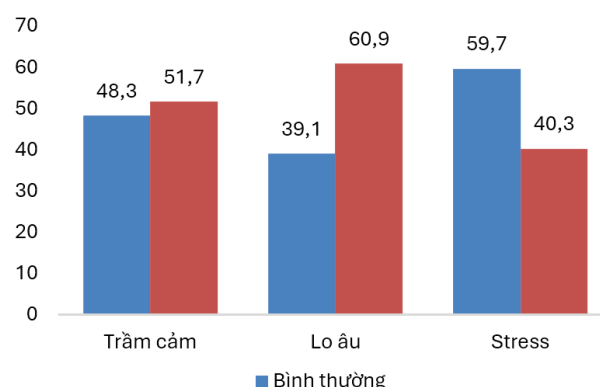
Bảng 2. Nhận thức về căng thẳng học tập theo thang đo PAS-V (n = 412)

Yếu tố		Các nhóm căng thẳng			
		Điểm liên quan đến thi cử (6 mục)	Điểm liên quan đến nhận thức về năng lực bản thân (4 mục)	Điểm liên quan đến quá trình học tập (3 mục)	Tổng điểm thang PAS-V (13 mục)
Tổng		15,84 ± 4,30	12,62 ± 2,37	10,03 ± 1,88	38,49 ± 6,79
Giới tính	Nữ	14,89 ± 3,79	12,32 ± 2,15	10,16 ± 1,56	37,38 ± 5,78
	Nam	16,75 ± 4,60	12,90 ± 2,54	9,89 ± 2,13	39,55 ± 7,49
	p*	0,000	0,012	0,147	0,001
Xếp loại học tập	≥ Giỏi	15,68 ± 4,38	12,67 ± 2,17	10,03 ± 1,87	38,38 ± 6,73
	Khá	16,11 ± 4,21	12,71 ± 2,54	10,14 ± 1,91	38,96 ± 6,97
	Trung bình	15,46 ± 4,40	12,30 ± 2,30	9,75 ± 1,80	37,51 ± 6,37
	p**	0,459	0,407	0,279	0,252

*: Kiểm định T-test; **: Kiểm định One way ANOVA

Tổng điểm trung bình về nhận thức căng thẳng học tập là 38,49 ± 6,79, trong đó cao nhất là nhóm căng thẳng liên quan đến thi cử (15,84 ± 4,30), thấp nhất là nhóm liên quan quá trình học tập (10,03 ± 1,88). Tổng điểm thang PAS-V ở nam cao hơn so với nữ, tương ứng với nữ sinh viên có mức độ căng thẳng học tập cao hơn, không có sự khác biệt về điểm số nhận thức căng thẳng học tập giữa các nhóm xếp loại học tập.

Theo tiêu chuẩn thang đo DASS21, nghiên cứu này ghi nhận trên 40% người tham gia có nguy cơ rối loạn trầm cảm, lo âu và stress. Cụ thể, 51,7% người tham gia khảo sát có dấu hiệu trầm cảm, 60,9% sinh viên được xác định là có dấu hiệu lo âu và stress chiếm 40,3%.



Biểu đồ 2. Nguy cơ trầm cảm, lo âu, stress dựa trên thang đo DASS 21 (n = 412)

Bảng 3. Tương quan giữa các nhóm căng thẳng học tập với mức độ trầm cảm, lo âu, stress ($p < 0,001$)

Biến số	1	2	3	4	5	6	7
1. PAS-V	1						
2. CTTC	0,892	1					
3. CTNTBT	0,707	-0,400	1				
4. CTQHT	0,679	0,428	0,376	1			
5. Trầm cảm	-0,470	-0,330	-0,467	-0,354	1		
6. Lo âu	-0,411	-0,347	-0,325	-0,280	0,733	1	
7. Stress	-0,507	-0,455	-0,385	-0,304	0,734	0,804	1

CTTC: Căng thẳng liên quan đến thi cử; CTNTBT: Căng thẳng liên quan đến nhận thức về bản thân;
CTQHT: Căng thẳng liên quan đến quá trình học tập

Kết quả cho thấy có mối tương quan thuận chiều có ý nghĩa thống kê giữa 3 nhóm căng thẳng của thang đo PAS-V, cho thấy các tiểu thang này đều đo cùng một hướng (nhận thức chung về căng thẳng học tập). Bên cạnh đó, kết quả cũng chỉ ra mối tương quan ngược chiều giữa 3 nhóm này với 3 tiểu thang trầm cảm, lo âu, stress. Điều này phù hợp với lý thuyết, khi tổng điểm thang PAS-V càng thấp, mức độ căng thẳng càng cao, từ đó có mối liên hệ với sự gia tăng nguy cơ mắc phải các rối loạn trên.

Bảng 4. Mô hình hồi quy logistic nhị thức mối liên quan giữa các nguồn căng thẳng học tập với trầm cảm, lo âu, stress ($n = 412$)

Biến số	Trầm cảm		Lo âu		Stress	
	OR (KTC 95%)	p	OR (KTC 95%)	p	OR (KTC 95%)	p
CTTC	0,892 (0,840-0,947)	0,000	0,905 (0,854-0,959)	0,001	0,858 (0,807-0,913)	0,000
CTNTBT	0,758 (0,675-0,851)	0,000	0,864 (0,778-0,960)	0,006	0,825 (0,738-0,922)	0,001
CTQHT	0,846 (0,738-0,971)	0,017	0,863 (0,756-0,984)	0,028	0,966 (0,845-1,104)	0,612
-2LL	484,510		499,672		488,899	
Nagelkerke R ²	0,252		0,160		0,202	

Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy logistic nhị thức đa biến cho thấy (các yếu tố có ý nghĩa thống kê có $p < 0,05$): khi điểm số của 2 nhóm căng thẳng liên quan đến thi cử và tự nhận thức bản thân tăng thì đều làm giảm nguy cơ trầm cảm, lo âu, stress ở sinh viên với các giá trị tỷ suất chênh OR nằm trong khoảng từ 0,758-0,905 (nhỏ hơn 1), đồng nghĩa với mức độ căng thẳng ở các nhóm này càng thấp thì nguy cơ mắc phải các rối loạn trên càng thấp. Bên cạnh đó, điểm số của nhóm căng thẳng liên quan đến quá trình học tập cũng cho thấy có mối liên quan tương tự, ngoại trừ đối với nguy cơ stress là không có ý nghĩa.

4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu khảo sát 412 sinh viên năm thứ tư hệ bác sĩ tại Trường Đại học Y Hà Nội cho thấy tỷ lệ có nguy cơ trầm cảm, lo âu và stress khá cao (51,7% có dấu hiệu trầm cảm, 60,9% có dấu hiệu lo âu và 40,3% bị stress), tương tự các nghiên cứu trong nước như của

Phan Nguyệt Hà và Trần Thơ Nhị (2022) với 57,1% sinh viên bị trầm cảm, Lê Thị Vũ Huyền và Nguyễn Thị Thu Thủy (2021) với 42,6% có biểu hiện stress. Điều này có thể giải thích là do giai đoạn chuyển tiếp, sinh viên phải học lâm sàng, áp lực kiến thức, thực hành và điều chỉnh nhịp sinh hoạt.

Kết quả từ thang đo PAS-V cho thấy điểm trung bình là $38,49 \pm 6,79$. Nữ sinh viên có mức độ căng thẳng học tập cao hơn, tương tự nghiên cứu của Sarah Salih và cộng sự (2023) [9]. Kết quả cũng chỉ ra điểm PAS-V thấp làm tăng nguy cơ trầm cảm, lo âu, stress ($p < 0,05$). Các yếu tố ảnh hưởng mạnh đến sức khỏe tâm thần là tự tin, kỳ vọng thành công, và khả năng ra quyết định học tập (OR lần lượt là 0,758; 0,864 và 0,825). Các nguồn căng thẳng học tập tương đồng với các nghiên cứu Sarah Salih (2023) và Mohsin Shah (2010) [9-10].

Kết quả nghiên cứu cho thấy cả 3 khía cạnh của nhận thức căng thẳng học tập đều có khả năng dự báo riêng biệt nguy cơ trầm cảm, lo âu và stress ở sinh viên y khoa. Có thể thấy, nhận thức căng thẳng

học tập được sử dụng như một công cụ hỗ trợ sàng lọc nguy cơ rối loạn tâm lý trong nhóm đối tượng này. Qua đó, sinh viên có thể tự nhận diện khó khăn của bản thân, đồng thời các cơ sở đào tạo có thể xác định ưu tiên can thiệp, điều chỉnh chương trình học, đa dạng hóa phương pháp đánh giá nhằm hỗ trợ người học ứng phó hiệu quả mà vẫn đảm bảo chuẩn đầu ra.

Nghiên cứu đã tiếp cận căng thẳng học tập dưới góc độ cụ thể hơn, đồng thời xác định mối liên hệ giữa nó với các vấn đề sức khỏe tâm thần. Các thang đo sử dụng đã được chuẩn hóa và điều chỉnh phù hợp với bối cảnh văn hóa Việt Nam. Tuy vậy, nghiên cứu còn hạn chế do chọn mẫu thuận tiện và chỉ khảo sát sinh viên năm thứ tư hệ bác sĩ tại một trường đại học, làm giảm tính đại diện. Do đó, cần có thêm các nghiên cứu mở rộng trên nhiều nhóm sinh viên khác nhau, cũng như xem xét thêm các yếu tố cá nhân và môi trường để có cái nhìn toàn diện hơn về ảnh hưởng của căng thẳng học tập đối với sức khỏe tâm thần sinh viên y khoa.

5. KẾT LUẬN

Nguy cơ các rối loạn trầm cảm, lo âu, stress của sinh viên năm thứ tư hệ bác sĩ Trường Đại học Y Hà Nội ở mức khá cao. Mức độ căng thẳng học tập cao có khả năng dự báo sự gia tăng nguy cơ mắc phải các rối loạn trên. Điểm PAS-V thấp (căng thẳng học tập cao) ở các nhóm yếu tố liên quan thi cử, nhận thức năng lực bản thân và quá trình học tập làm tăng nguy cơ mắc trầm cảm, lo âu và stress (không ý nghĩa với căng thẳng liên quan đến quá trình học tập), với $p < 0,05$. Nhà trường và bản thân sinh viên cần có các chiến lược phù hợp đối với từng nhóm tác nhân căng thẳng học tập nhằm cải thiện tình trạng sức khỏe tâm thần nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phan Nguyệt Hà, Trần Thơ Nhị. Trầm cảm ở sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020-2021 trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và một số yếu tố liên quan. Tạp chí Y học Việt Nam, 2022, 515 (1): 10-14.
- [2] Nguyễn Tiến Đạt, Hà Thảo Linh, Lê Đại Minh và cộng sự. Tỷ lệ rối loạn lo âu lan tỏa và một số yếu tố liên quan ở sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2018-2019. Tạp chí Nghiên cứu y học, 2021, 140 (4): 135-142.
- [3] Lê Thị Vũ Huyền, Nguyễn Thị Thu Thủy. Stress ở sinh viên hệ bác sĩ y khoa năm thứ nhất Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020-2021 và một số yếu tố liên quan. Tạp chí Y học Việt Nam, 2021, 508 (1): 134-139.
- [4] Trần Văn Thiện, Nguyễn Thị Mỹ Linh, Nguyễn Thị Bạch Tuyết và cộng sự. Thực trạng stress, lo âu và trầm cảm của sinh viên Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội học tập tại cơ sở Hòa Lạc năm học 2022-2023. Tạp chí Y học cộng đồng, 2024, 65 (CĐ 5): 193-200.
- [5] Al-Shahrani M.M, Alasmri B.S, Al-Shahrani R.M, Al-Moalwi N.M, Al Qahtani A.A, Siddiqui A.F. The prevalence and associated factors of academic stress among medical students of King Khalid University: An analytical cross-sectional study. Healthc Basel Switz, 2023, 11 (14): 2029.
- [6] Zhang C, Shi L, Tian T, Zhou Z, Peng X, Shen Y et al. Associations between academic stress and depressive symptoms mediated by anxiety symptoms and hopelessness among Chinese college students. Psychol Res Behav Manag, 2022, 15: 547-556.
- [7] Rchom H'An, Lê Thị Diễm Trinh, Trần Thiện Thuần. Tỷ lệ trầm cảm và một số yếu tố liên quan của sinh viên kỹ túc xá Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ, 2023, 69: 73-79.
- [8] Bedewy D, Gabriel A. Examining perceptions of academic stress and its sources among university students: The perception of academic stress scale. Health Psychology Open, 2015, 2 (2): 2055102915596714.
- [9] Salih S, Mahmoud S.S, Abudeyah M.A, Albeladi F.I, Mohsen W.M, Hayyan A.I et al. Stressors and coping strategies among medical students in Jazan, Saudi Arabia: A cross-sectional study. J Fam Med Prim Care, 2023, 12, 9: 2075-81.
- [10] Shah M, Hasan S, Malik S, Sreeramareddy C.T. Perceived Stress, Sources and Severity of Stress among medical undergraduates in a Pakistani Medical School. BMC Med Educ, 2010, 10: 2.